

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 30/06/2021

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

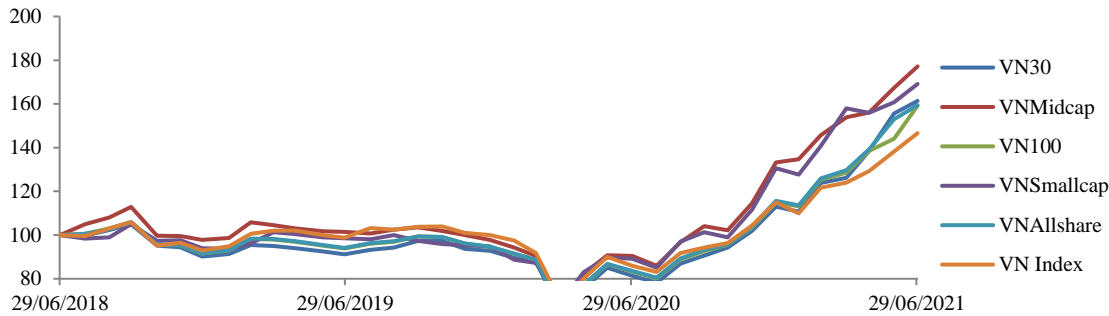
10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành

Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 29/06/2018

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	13.66%	3.40%	21.25%	4.25%	22.86%	37.92%	90.60%	59.42%	124.89%	16.82%	17.60%
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	3.68%	27.82%	42.79%	98.43%	61.36%	145.90%	17.29%	19.72%
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	5.84%	15.11%	33.04%	95.75%	77.15%	95.20%	21.00%	14.31%
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	4.20%	23.86%	38.46%	91.01%	59.15%	130.63%	16.75%	18.19%
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	5.17%	7.10%	29.46%	89.69%	69.13%	66.92%	19.14%	10.79%
VN-Index	10.27%	7.76%	14.19%	6.06%	18.22%	27.60%	70.71%	46.60%	122.78%	13.60%	17.37%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	8.83%	17.38%	21.21%	33.36%	39.65%
VN30	9.53%	18.24%	22.31%	34.88%	42.27%
VNMidcap	25.37%	29.14%	31.63%	39.93%	45.05%
VN100	15.23%	21.46%	24.75%	35.73%	42.01%
VNSmallcap	8.08%	15.66%	19.81%	28.21%	32.54%
VN-Index	8.44%	16.62%	20.44%	32.76%	39.97%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	97.65%	99.03%	98.91%	97.61%	96.77%
VN30	94.02%	97.75%	97.81%	97.22%	96.57%
VNMidcap	19.42%	48.67%	56.02%	68.94%	70.21%
VN100	51.01%	78.92%	84.32%	91.74%	92.67%
VNSmallcap	76.29%	85.76%	84.54%	81.66%	76.65%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	259	30	70	100	159
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,532,168	3,733,304	605,614	4,338,919	193,250
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,722,846	1,346,547	282,719	1,629,266	93,580
Trung bình	6,652	44,885	4,039	16,293	589
Cao nhất	126,696	126,696	31,664	126,696	3,969
Thấp nhất	16	4,335	250	250	16
Trung vị	802	36,074	2,579	3,725	358
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.35%	9.41%	11.20%	7.78%	4.24%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	53.30%	68.20%	46.94%	56.36%	28.07%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

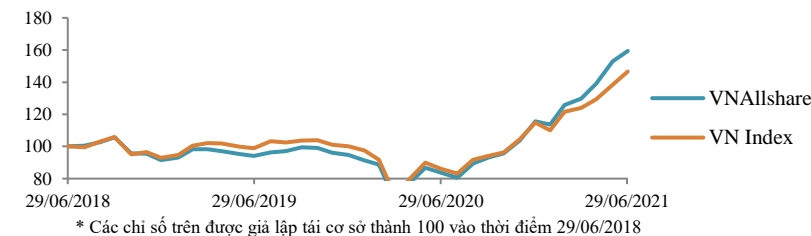
Đặc điểm chỉ số

	259
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,532,168
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,722,846
Trung bình	6,652
Cao nhất	126,696
Thấp nhất	16
Trung vị	802
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.35%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	53.30%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	8.83%	17.38%	21.21%	33.36%	39.65%

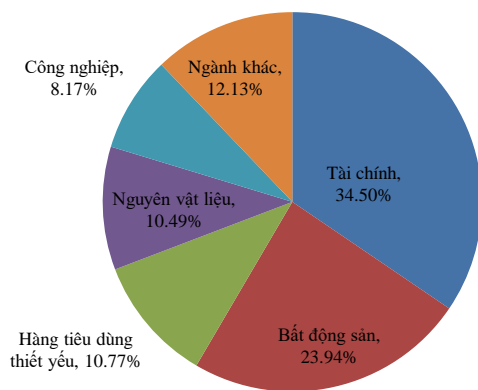
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	97.65%	99.03%	98.91%	97.61%	96.77%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	13.66%	3.40%	21.25%	4.25%	22.86%	37.92%	90.60%	59.42%	124.89%	16.82%	17.60%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HPG	Nguyên vật liệu	126,696	7.35%
2	VIC	Bất động sản	120,753	7.01%
3	TCB	Tài chính	120,061	6.97%
4	VPB	Tài chính	108,021	6.27%
5	VHM	Bất động sản	97,041	5.63%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,466	5.48%
7	MBB	Tài chính	72,796	4.23%
8	FPT	Công nghệ thông tin	63,887	3.71%
9	NVL	Bất động sản	62,161	3.61%
10	STB	Tài chính	52,432	3.04%
	Tổng cộng		918,312	53.30%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	21	594,346	34.50%
Bất động sản	37	412,474	23.94%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	23	185,497	10.77%
Nguyên vật liệu	41	180,783	10.49%
Công nghiệp	71	140,704	8.17%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

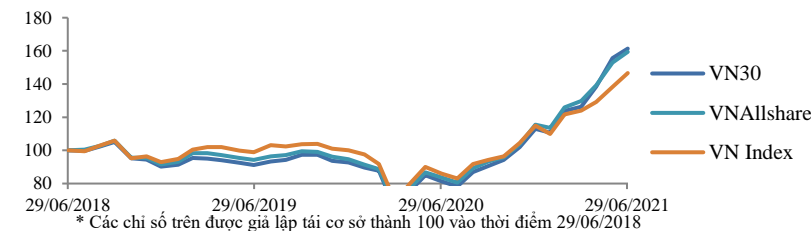
Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,733,304
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,346,547
Trung bình	44,885
Cao nhất	126,696
Thấp nhất	4,335
Trung vị	36,074
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.41%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	68.20%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	9.53%	18.24%	22.31%	34.88%	42.27%

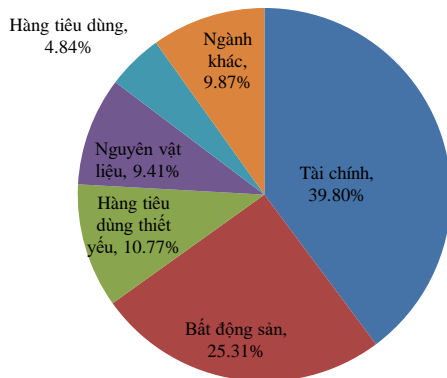
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	94.02%	97.75%	97.81%	97.22%	96.57%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	3.68%	27.82%	42.79%	98.43%	61.36%	145.90%	17.29%	19.72%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HPG	Nguyên vật liệu	126,696	9.41%
2	VIC	Bất động sản	120,753	8.97%
3	TCB	Tài chính	120,061	8.92%
4	VPB	Tài chính	108,021	8.02%
5	VHM	Bất động sản	97,041	7.21%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,466	7.02%
7	MBB	Tài chính	72,796	5.41%
8	FPT	Công nghệ thông tin	63,887	4.74%
9	NVL	Bất động sản	62,161	4.62%
10	STB	Tài chính	52,432	3.89%
	Tổng cộng		918,312	68.20%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	535,894	39.80%
Bất động sản	6	340,847	25.31%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	145,031	10.77%
Nguyên vật liệu	1	126,696	9.41%
Hàng tiêu dùng	2	65,180	4.84%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tồn tại gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

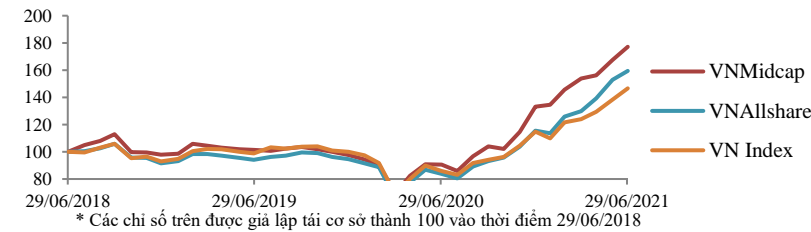


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	605,614
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	282,719
Trung bình	4,039
Cao nhất	31,664
Thấp nhất	250
Trung vị	2,579
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	11.20%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	46.94%

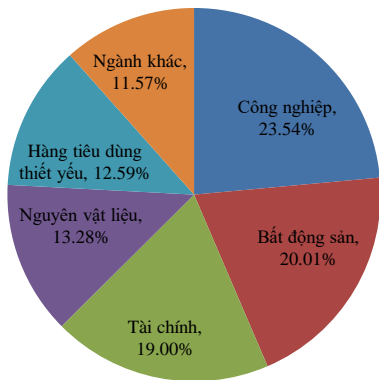
Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	5.84%	15.11%	33.04%	95.75%	77.15%	95.20%	21.00%	14.31%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	19	66,562	23.54%
Bất động sản	11	56,579	20.01%
Tài chính	6	53,714	19.00%
Nguyên vật liệu	9	37,552	13.28%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	35,592	12.59%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	25.37%	29.14%	31.63%	39.93%	45.05%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	19.42%	48.67%	56.02%	68.94%	70.21%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EIB	Tài chính	31,664	11.20%
2	HSG	Nguyên vật liệu	16,394	5.80%
3	KBC	Bất động sản	12,627	4.47%
4	VCI	Tài chính	12,168	4.30%
5	GEX	Công nghiệp	12,030	4.26%
6	SAB	Hàng tiêu dùng thiết yếu	11,928	4.22%
7	GMD	Công nghiệp	11,015	3.90%
8	DXG	Bất động sản	10,573	3.74%
9	NLG	Bất động sản	7,232	2.56%
10	KDC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,068	2.50%
	Tổng cộng		132,700	46.94%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

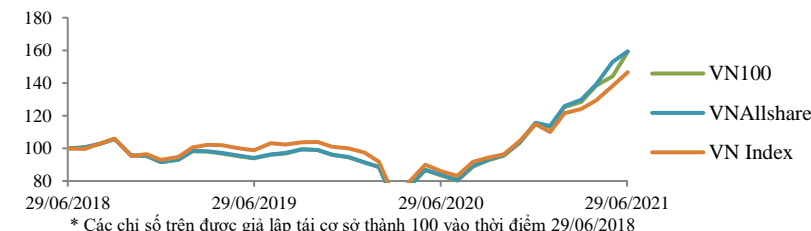


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,338,919
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,629,266
Trung bình	16,293
Cao nhất	126,696
Thấp nhất	250
Trung vị	3,725
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.78%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	56.36%

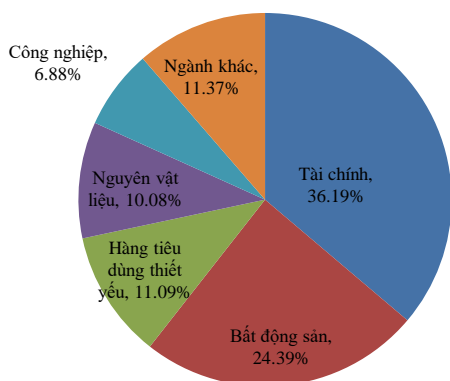
Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	4.20%	23.86%	38.46%	91.01%	59.15%	130.63%	16.75%	18.19%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GT VH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	17	589,608	36.19%
Bất động sản	17	397,427	24.39%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	180,624	11.09%
Nguyên vật liệu	10	164,248	10.08%
Công nghiệp	22	112,169	6.88%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	15.23%	21.46%	24.75%	35.73%	42.01%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	51.01%	78.92%	84.32%	91.74%	92.67%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GT VH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HPG	Nguyên vật liệu	126,696	7.78%
2	VIC	Bất động sản	120,753	7.41%
3	TCB	Tài chính	120,061	7.37%
4	VPB	Tài chính	108,021	6.63%
5	VHM	Bất động sản	97,041	5.96%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,466	5.80%
7	MBB	Tài chính	72,796	4.47%
8	FPT	Công nghệ thông tin	63,887	3.92%
9	NVL	Bất động sản	62,161	3.82%
10	STB	Tài chính	52,432	3.22%
	Tổng cộng		918,312	56.36%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAIshare.

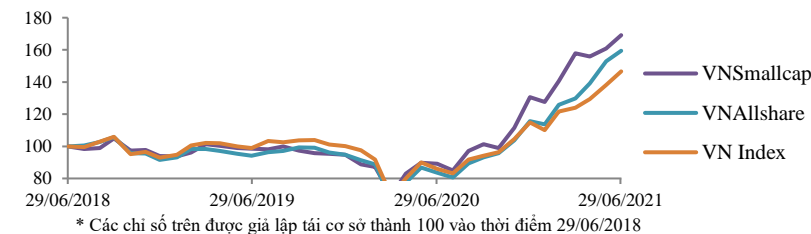
Đặc điểm chỉ số

	159
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	193,250
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	93,580
Trung bình	589
Cao nhất	3,969
Thấp nhất	16
Trung vị	358
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.24%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	28.07%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 29/06/2018 đến 30/06/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	8.08%	15.66%	19.81%	28.21%	32.54%

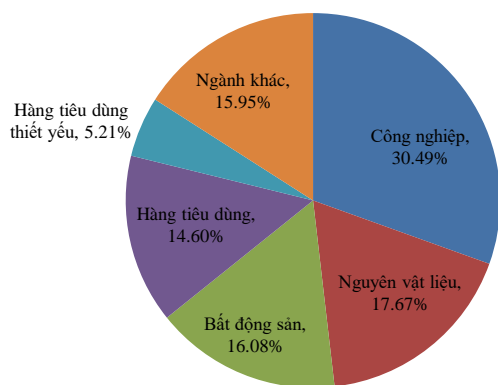
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	76.29%	85.76%	84.54%	81.66%	76.65%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	5.17%	7.10%	29.46%	89.69%	69.13%	66.92%	19.14%	10.79%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	NKG	Nguyên vật liệu	3,969	4.24%
2	IJC	Công nghiệp	3,604	3.85%
3	HDC	Bất động sản	3,452	3.69%
4	TCM	Hàng tiêu dùng	2,893	3.09%
5	DGW	Công nghệ thông tin	2,786	2.98%
6	FTS	Tài chính	2,684	2.87%
7	VSC	Công nghiệp	2,150	2.30%
8	SHI	Công nghiệp	1,753	1.87%
9	LDG	Bất động sản	1,582	1.69%
10	GIL	Hàng tiêu dùng	1,394	1.49%
	Tổng cộng		26,266	28.07%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	49	28,535	30.49%
Nguyên vật liệu	31	16,535	17.67%
Bất động sản	20	15,048	16.08%
Hàng tiêu dùng	22	13,661	14.60%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	13	4,874	5.21%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAIshare" và "VNAIshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

